

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 292/2023/HS-PT

Ngày: 28/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Minh Châu

2. Ông Vũ Hoài Nam

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh, thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hải Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số A đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 218/2023/HS-PT ngày 21/6/2023 đối với bị cáo Trần Hữu T theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3025/2023/QĐXXPT-HS ngày 07/8/2023, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 27/4/2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Hữu T**, sinh năm 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường: 62/58 đường L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu T1 và bà Ngô Thị Ngọc H; hoàn cảnh gia đình: có vợ tên Nguyễn Ngọc L nhưng đã ly hôn, có 01 con sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 28/10/2021.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Trần Thị Minh N**; luật sư văn phòng luật sư Phạm Quốc H1; Đoàn luật sư Thành phố H; có mặt.

Người có liên quan đến kháng cáo:

Bị hại: Anh **Lưu Kim H2**, sinh năm 1984; nơi cư trú: 144/42/15 đường N, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

Người làm chứng: Bà **Ngô Thị Ngọc H**; sinh năm 1961; nơi đăng ký thường trú: 62/58 đường L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 22 đường H, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Hữu T và bị hại Lưu Kim H2 là những người có quen biết với nhau nên vào ngày 03/5/2023, bị cáo có cho anh H2 mượn xe Vespa LX biển số 52F7 – 7179 để sử dụng. Vào khoảng 06 giờ ngày 04/5/2021, anh H2 tự ý mang xe đến tiệm cầm đồ của anh Phạm Mạnh T2 tại số A Đ, Phường I, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh để cầm với giá 2.000.000đ lấy tiền sử dụng cá nhân. Vì trong cốp xe có chiếc điện thoại Iphone 6 Plus của bị cáo T nên anh H2 tiếp tục lấy chiếc điện thoại cầm cố cho một người tên D (*không rõ lai lịch*) với giá 300.000đ. Sau đó, H2 gọi điện báo cho T biết về việc đã cầm xe và nhờ T chuộc xe về giúp. T đi xe máy hiệu Winner đến chỗ anh H2 và cả hai cùng đến gặp ông T2 để chuộc xe. Trong lúc đợi để lấy xe và điện thoại, anh H2 bỏ chạy nên T đuổi theo, dùng tay phải có đeo 01 nhẫn kim loại đâm 01 cái làm rách da chảy máu ở trên chân mày trái của anh H2 rồi giữ H2 lại bắt đứng chờ trước tiệm cầm đồ. Sau đó, T gọi điện thông báo cho 01 người tên P (*H2 khai là tên P1*) chưa rõ lai lịch về việc đã gặp và giữ được H2 tại số A đường Đ, Phường I, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 10 phút sau, P cùng 01 thanh niên đi xe máy Exciter màu xanh (*không rõ biển số*) đến chỗ anh H2 và T. Thấy P đến, H2 sợ nên lại bỏ chạy. P, T và người thanh niên đi cùng đuổi theo bắt được H2. P và người thanh niên đi cùng đánh H2 rồi khóa hai tay H2 ra phía sau đưa về trước tiệm cầm đồ. Thấy người dân tụ tập lại đông nên T giải thích là do H2 lừa đảo nên phải bắt đưa lên Công an phường. Lúc này, người thanh niên đi cùng P khóa tay H2 ra phía sau và bắt H2 ngồi lên xe do T điều khiển để chở H2 đi, còn P thì ở lại để lấy xe và chiếc điện thoại cho T. Do bị khóa tay ra phía sau và bị đe dọa là sẽ bị đâm nếu chống đối nên H2 lên xe để T chở đi (*T điều khiển xe chở 2 người, anh H2 ngồi ở giữa hai tay bị khóa ra phía sau, người thanh niên ngồi sau khóa tay H2 trên suốt chặng đường*). Vừa bị khóa tay, vừa sợ bị đâm và sợ bị đưa đến Công an phường thì sẽ bị bắt đi cai nghiện nên anh H2 xin được về nhà T để giải quyết việc trả tiền. T đồng ý. Khoảng 19 giờ cùng ngày, T chở anh H2 cùng người thanh niên về đến nhà T tại số F đường L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, người thanh niên vẫn khóa tay H2 ra phía sau. Lúc này, T nói chị Phạm

Nguyễn Trâm A (người ở chung nhà với T) đưa cho T sợi dây nylon. T dùng dây nylon trói tay H2 ra phía sau (*người thanh niên giữ 02 tay H2 ra sau cho T trói*) rồi đưa H2 vào phòng riêng của T.

Một lúc sau, P chạy xe Vespa của T về đến và đưa điện thoại cho T. P yêu cầu anh H2 gọi điện về nhà cho mẹ của H2 để P nói chuyện yêu cầu mẹ H2 phải trả cho T 2.300.000đ chuộc xe và điện thoại, đồng thời trả lại cho P số tiền 3.000.000đ đến 4.000.000đ do H2 đã mượn P1 trước đó. Mẹ của H2 nói không có tiền, T và Phú tự giải quyết với H2. Không lấy được tiền, P bực tức và đá vào ngực anh H2 rồi cùng người thanh niên bỏ đi.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, T ra khỏi nhà và khóa cửa cổng lại. Khoảng 23 giờ cùng ngày, T chở bạn gái tên Thượng Thị Hồng C về nhà. Thấy anh H2 mệt và đói, T vào phòng cởi trói cho anh H2, còn C thì nấu mì cho anh H2 ăn. Sau đó, T kéo anh H2 vào phòng riêng đóng cửa lại và cự cãi qua lại với nhau, T lấy 01 cái kéo để trên bàn thờ Quan Công ở trong phòng, đâm vào cẳng chân trái của anh H2 và bắt anh H2 phải thề trước bàn thờ Quan Công là không được đi lừa gạt người khác. T buộc anh H2 nằm sấp trên nền nhà, dùng gậy bóng chày đánh 09 cái vào mông của H2. Sau đó, T cho H2 50.000đ để đi xe ôm về nhà. Đến khoảng 15 giờ ngày 05/5/2021, anh H2 đến Công an phường V, Quận C trình báo sự việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an Q, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Tại Kết luận giám định số 471/TgT.21 ngày 28/5/2021 của Trung tâm Pháp y Thành phố H kết luận về thương tích của anh H2 như sau:

-01 sẹo vùng đầu chân mày trái kích thước 3x(0,1- 0,2)cm, ổn định, có tỷ lệ thương tật 03% (*ba phần trăm*); thương tích do vật tày, vật có cạnh, vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc tác động gây ra.

-01 vết tăng giảm sắc tố vùng 1/3 dưới cẳng tay trái kích thước 4,,5x0,5cm, ổn định; có tỷ lệ thương tật 01% (*một phần trăm*); thương tích do vật tày hoặc vật tày có cạnh tác động gây ra.

-01 vết còn mày vùng mặt trước 1/3 giữa cẳng chân trái kích thước 1,3x0,5cm, ổn định; có tỷ lệ 01% (*một phần trăm*); thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn, vật có cạnh sắc, vật tày hoặc vật tày có cạnh tác động gây ra.

-Không còn dấu vết vùng cánh tay hai bên, vùng cẳng tay phải và vùng mông hai bên. Các chấn thương trên nghĩ nhiều do vật tày tác động gây ra.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 5% (*năm phần trăm*).

Về mặt dân sự: Anh H2 không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Anh H2 không yêu cầu xử lý đối với bị cáo về việc có hành vi gây thương tích cho anh H2.

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKS-HS ngày 30/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đã truy tố bị cáo Trần Hữu T về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” theo quy định tại

khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 27/4/2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Trần Hữu T 01 (một) năm tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”; thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/5/2023, bị cáo có đơn kháng cáo với nội dung: Anh H2 là người đã lấy xe và điện thoại mang đi cầm lấy tiền sử dụng ma túy. Hành vi của anh H2 là phạm pháp, bị cáo đã bắt giữ anh H2 đưa đến cơ quan công an. Nhưng anh H2 năn nỉ đừng đưa đến Công an vì sợ sẽ bị đưa đi cai nghiện, vì thương tình nên bị cáo đã đưa anh H2 về nhà để tự giải quyết, không ngờ lại trở thành người phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo trình bày ý kiến và khai trình như sau: Bị cáo không bắt mà chỉ giữ anh H2. Việc bị cáo trói anh H2 là do anh H2 nghiện ma túy, sợ anh H2 làm bậy gây nguy hiểm cho người khác nên khi đi ra khỏi nhà, bị cáo đã trói anh H2.

Bị cáo không quen biết gì với P và người thanh niên đi chung với P. P là người quen của anh H2, trước đó anh H2 vay tiền của P nhưng không trả. Khi biết được anh H2 ở chung với bị cáo thì P có tìm đến gặp bị cáo tạo áp lực buộc bị cáo khi nào gặp H2 thì phải báo cho P. Do vậy, khi phát hiện thấy anh H2, bị cáo đã báo cho P biết.

Bị cáo không biết hành vi của mình có vi phạm pháp luật hay không, đề nghị Tòa xem xét.

Người làm chứng - bà H - khai trình như sau: Bà H là mẹ đẻ của bị cáo T. Vào năm 12 tuổi, trong một lần mưa lớn, gây ngập lụt, bị cáo T đã bị điện giật tưởng đã chết, được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện, nhờ sự may mắn nên mới thoát chết. Sau lần đó, bình thường thì bị cáo rất hiền lành nhưng dễ bị nổi nóng và kích động nếu có cãi nhau.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết kháng cáo như sau: Trong quá trình xét xử, xét thấy bị cáo có biểu hiện tâm lý không bình thường; có một số nội dung liên quan đến vụ án cần phải làm rõ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, tiến hành điều tra lại, làm rõ năng lực trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Luật sư N phát biểu bào chữa cho bị cáo: Bị cáo có hành vi trái pháp luật nhưng hình phạt 1 năm tù đối với bị cáo là quá nghiêm khắc.

Một người tên P và một đối tượng chưa rõ lai lịch là người bắt anh H2 chứ không phải bị cáo. Trong vụ án này, có dấu hiệu để lọt tội phạm, cơ quan điều tra chưa làm rõ hành vi của P và người thanh niên tham gia bắt giữ anh H2. Cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ thu thập được, có căn cứ để xác định rằng: Chỉ vì tức giận việc anh Lưu Kim H2 tự ý lấy xe máy và điện thoại của bị cáo đi cầm cố cho người khác, lấy tiền tiêu xài và sử dụng ma túy, bị cáo đã có hành vi bắt giữ anh H2 để tạo áp lực buộc anh H2 phải chuộc lại tài sản trả lại cho bị cáo.

[2]. Về kháng cáo của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tự do của công dân được pháp luật bảo vệ, thỏa mãn dấu hiệu khách quan của tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Về mặt chủ quan: Tại phiên tòa, bị cáo khẳng định bị cáo vẫn sáng suốt, tâm thần bình thường. Tuy nhiên, có căn cứ để nghi ngờ về năng lực trách nhiệm hình sự của bị cáo, cụ thể: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không trả lời đúng theo nội dung câu hỏi của Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên. Mặc dù được nhắc nhở nhiều lần nhưng vẫn nhiều lần lặp lại tình trạng vừa nêu. Bị cáo dễ bị kích động, thay đổi cảm xúc. Mẹ đẻ của bị cáo là bà Ngô Thị Ngọc H cũng cho biết rằng vào năm bị cáo T 12 tuổi, trong một lần mưa lớn, gây ngập lụt, bị cáo T đã bị điện giật tưởng đã chết, được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện, may mắn nên đã thoát chết; bị cáo T rất hiền lành nhưng thường dễ bị nổi nóng và kích động. Đây là tình tiết mới phát sinh.

Vì các lý do đã nêu, để đảm bảo cho việc xét xử được chính xác, đúng pháp luật, cần hủy bản án sơ thẩm để tiến hành điều tra lại, xác định năng lực trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đồng thời, cũng cần tiếp tục truy tìm 02 người thanh niên không rõ lai lịch đã tham gia vào việc bắt giữ anh H2 để xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Do hủy bản án sơ thẩm nên không xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo.

[3]. Bị cáo không phải chịu án phạt hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1. Hủy bản án sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 27/4/2023 của Tòa án nhân

dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

3.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND Quận 3; (1)
- PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đương sự: (2)
- Chi Cục THA Quận 3; (1)
- TAND Quận 3; (2)
- Công an Quận 3; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (24). (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân